

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày 19-4-2023`

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG
- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thảo

2. Ông Nguyễn Hoàng Trung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Kiều Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2022/TLST-HNGĐ ngày 21-11-2022, về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-3-2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Cẩm H, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp N, xã M, huyện P, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp H, xã T huyện P, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3. *Người làm chứng:*

3.1. Chị Trần Thị Hồng N, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp N, xã M, huyện P, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3.2. Chị Hoàng Thị Cẩm T, sinh năm 1999; địa chỉ: ấp N, xã M, huyện P, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Trần Thị Cẩm H và anh Lê Văn T kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Tiền Giang. Theo chị H trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm thứ 5 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường hay nhậu về kiếm chuyện, xúc phạm chị, làm tổn thương tình cảm và tinh thần của chị. Chị H cố gắng nhẫn nhịn để gia đình không bị đổ vỡ, nhưng càng kéo dài thì mâu thuẫn càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: chị H và anh T có 01 con chung tên Lê Thành D, sinh ngày 18-01-2016, hiện chị đang nuôi con. Chị H yêu cầu tiếp tục nuôi con.

Về cấp dưỡng cho con: chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Đối với anh Lê Văn T, trong quá trình tố tụng anh đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và cũng không có nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại biên bản Tòa án ghi lời khai ngày 23-12-2022, người làm chứng là chị Trần Thị Hồng N trình bày: Chị là em ruột của chị H. Theo chị biết, mâu thuẫn giữa chị H và anh T là do anh T thường hay nhậu, không lo làm ăn, không quan tâm đến con. Chị H đã nhiều lần khuyên nhưng anh T không sửa đổi. Theo chị nhận biết thì chị H và anh T không có khả năng đoàn tụ.

Tại biên bản Tòa án ghi lời khai ngày 23-12-2022, người làm chứng là chị Hoàng Thị Cẩm T trình bày: Chị là cháu ruột của chị H. Theo chị biết thì nguyên nhân dẫn đến chị H và anh T sống ly thân là do anh T thường hay nhậu, không chăm lo cho con và gia đình, anh T cũng không hòa đồng với gia đình bên vợ. Chị H và anh T đã ly thân nhau hơn 01 năm, nhưng anh T cũng không qua lại thăm vợ

con. Theo chị nhận thấy thì tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T không còn, không có khả năng đoàn tụ.

Kiểm sát viên phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị khắc phục vi phạm về tố tụng. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc chị H chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn anh Lê Văn T cư trú tại huyện P, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn là chị Trần Thị Cẩm H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị H, anh T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: xét hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp, anh chị kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 16-01-2015 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ, huyện P, tỉnh Tiền Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường hay nhậu về kiếm chuyện xúc phạm chị H. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay.

[4]. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu ly hôn với anh T, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[5]. Về con chung: chị H và anh T có 01 con chung tên Lê Thành D, sinh ngày 18-01-2016, hiện chị H nuôi con. Chị H yêu cầu tiếp tục nuôi con

[6]. Xét trong thời gian qua, cháu D sống với chị H, được chị chăm sóc chu đáo, cháu đã có cuộc sống ổn định bên chị H nên việc chị H yêu cầu trực tiếp nuôi con là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về cấp dưỡng cho con: chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, Hội đồng xét xử không xem xét

[8]. Về tài sản chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về nợ chung: chị H trình bày chị và anh T không có nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11]. Xét ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm H.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Cẩm H được ly hôn với anh Lê Văn T.
2. Về con chung: chị Trần Thị Cẩm H được trực tiếp nuôi cháu Lê Thành D, sinh ngày 18-01-2016, hiện chị đang nuôi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003289 ngày 14-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- + NĐ: (01);
- + BĐ: (01);
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND. H. Tân Phước;
- Chi cục THADS. H. Tân Phước;
- UBND xã Phú Mỹ;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Thanh Liêm

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

